TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 10 - 2019.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thông Phi.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 02/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 và Thông báo mở lại phiên tòa số 27/2019/TB-TA ngày 17 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1988, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, khu phố 2, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Số nhà 185, thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi cho Tòa án nhân dân huyện T nhận ngày 16/5/2019, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng N tại phiên tòa hôm nay, thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn tại số 49 ngày 02/12/2014, của UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận,

Trong quá trình chung sống với nhau, thì thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, nhưng hạnh phúc không được bao lâu, thì giữa chị và anh T bắt đầu xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, vô cớ đánh đập chị nhiều lần và có lần đánh chị bị trọng thương phải nhập viện cấp cứu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của chị. Nhưng chị vì hạnh phúc gia đình cố gắng chịu đựng để nuôi con còn nhỏ và cũng tạo điều kiện cho anh T sửa đổi, nhưng anh T vẫn tính nào tật đó, không hề thay đổi.

Anh T vẫn uống rượu và vô cớ đánh chị đến trọng thương, chị phải nhập viện để điều trị và sau đó về nhà cha mẹ đẻ ở để dưỡng thương. Cũng từ đó chị và anh T sống ly thân cho đến nay được khoảng 03 tháng.

Thời gian sống ly thân, giữa chị và anh T không còn quan tâm, chăm sóc nhau, dẫn đến hiện nay chị không còn tình cảm với anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 30/9/2016. Hiện con T1 đang ở với anh T cùng bà nội.

Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, chị có yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, nhưng quá trình làm việc, chị thay đổi yêu cầu và đồng ý giao con cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con T1.

Tại phiên tòa hôm nay, chị vẫn đồng ý giao con T1 cho anh T nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con là do điều kiện chị hiện chưa có việc làm ổn định.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị N cung cấp kèm theo đơn khởi kiện, gồm:

- 02 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Hồng N và Nguyễn Văn T *(bản sao);*

- 01 Trích lục kết hôn *(bản sao);*

- 01 trích lục khai sinh *(bản sao)*.

Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, thì anh Nguyễn Văn T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Quá trình chung sống với nhau được khoảng 05 năm. Thời gian đầu, vợ chồng chung không có mâu thuẫn gì lớn. Nhưng khoảng giữa tháng 5/2019, giữa vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi nhậu về nhà, chị N có những lời lẽ không đúng đối với anh nên anh có đánh chị N và chị bỏ về nhà mẹ ruột tại khu phố 2, thị trấn V, huyện Đ sinh sống cho đến nay.

Hiện chị N có yêu cầu ly hôn, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị N có 01 con chung tên là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 30/9/2016. Hiện con đang ở với anh.

Thời gian đầu chị N có yêu cầu khởi kiện giành quyền nuôi con và yêu cầu anh cấp dưỡng, anh không đồng ý giao con cho chị N nuôi dưỡng, đồng thời không cấp dưỡng nuôi con nếu chị N giành quyền nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: 02 chứng minh nhân dân (*bản sao)*; 01 Trích lục kết hôn (*bản sao);* 01 trích lục khai sinh *(bản sao)* kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn, các biên bản hòa giải và biên bản xác minh tại địa phương do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 146, 147, 203, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cho cho anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 30/9/2016 cho đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh T nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu về ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn T đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N đối với anh Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử thấy rằng; chị N và anh T sau khi đăng ký kết hôn thì sinh sống và làm ăn tại thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau, không có mâu thuẫn lớn nhưng đến tháng 5/2019, giữa chị N và anh T bắt đầu xảy mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu là do anh T thường xuyên uống rượu, vô cớ đánh đập chị N, thậm chí anh T đánh chị N bị trọng thương phải nhập viện điều trị, gây ảnh hưởng lớn đến tính mạng, sức khỏe của chị N. Kể từ khi anh T đánh chị N phải nhập viện điều trị, thì sau đó chị N về ở nhà cha mẹ đẻ dưỡng thương cho đến nay và cũng từ đó anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa.

Theo biên bản xác minh tại địa phương cho thấy; quá trình sinh sống tại địa phương, chị N và anh T chung sống với nhau khoảng 06 đến 07 năm tại nhà mẹ đẻ của anh T thuộc thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại địa phương, anh T là người tính tình hơi cộc cằn, nóng tính nên khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh T đánh đập chị N vài lần dẫn đến chị N nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh T. Ngoài nguyên nhân chính trên thì giữa chị N và anh T không còn nguyên nhân mâu thuẫn nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai của anh T lập ngày 29/5/2019 (*búc lục 15*), anh T thừa nhận có đánh đập chị N khi vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, dẫn đến chị N bỏ về sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ ở tổ 2, khu phố 2, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận và nộp đơn xin ly hôn anh T.

Thời gian sống ly thân, giữa chị N và anh T không còn quan tâm, chăm sóc chia sẻ các công việc trong gia đình, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay anh T cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị N.

Thấy rằng; đời sống chung giữa chị N và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục kéo dài sẽ gây bất lợi cho cả hai.

Nghĩ nên; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, giữa chị và anh T có 01 người con chung tên là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 30/9/2016. Hiện người con T1 đang chung sống với anh T, cùng bà nội.

Chị N có yêu cầu giao con T1 cho anh T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi thành niên và chị N không cấp dưỡng nuôi con T1, vì hiện nay chị N không có nghề nghiệp ổn định.

Xét thấy, hiện nay chị N yêu cầu giao con chung cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng là đúng với ý chí nguyện vọng của anh T theo biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2019: "*Anh T không đồng ý giao con cho chị N và không đồng ý cấp dưỡng*" nếu chị N giành quyền nuôi con.

Đối với phần cấp dưỡng, hiện nay chị N chưa có nghề nghiệp ổn định nên không có thu nhập. Nghĩ nên; không buộc chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 30/9/2016 cho anh T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con đến khi thành niên là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Giữa chị N và anh T không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 146, 147, 203; điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều 228, 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N.

Chị Nguyễn Thị Hồng N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con tên là Nguyễn Phúc T1, sinh ngày 30/9/2016 cho đến khi thành niên.

Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0013347 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Chị Nguyễn Thị Hồng N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02/10/2019), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hiệp